

Hướng dẫn sử dụng

Chất lượng, Thiết kế và Đổi mới



home.liebherr.com/fridge-manuals



LIEBHERR

	Hướng dẫn an toàn chung.....	2
2	Tổng quan về thiết bị.....	4
2.1	Phạm vi cung cấp.....	4
2.2	Tổng quan về thiết bị và dụng cụ.....	4
2.3	Thiết bị thông minh.....	4
2.4	Phạm vi sử dụng của thiết bị.....	5
2.5	Sự phù hợp.....	5
2.6	Các chất SVHC theo quy định REACH.	5
2.7	Cơ sở dữ liệu EPREL.....	5
2.8	Phụ tùng thay thế.....	5
	Chức năng của màn hình cảm ứng.....	5
3	Điều hướng và giải thích ký hiệu.....	5
3.1	Thực đơn.....	6
3.2	3.3 Chế độ ngủ.....	6
4	Đưa vào vận hành.....	6
4.1	Bật thiết bị (lần đầu sử dụng).....	6
5	Lưu trữ.....	7
5.1	Thông tin về lưu trữ.....	7
5.2	Bản phác thảo lưu trữ.....	7
6	Tiết kiệm năng lượng.....	7
	Kiểm soát.....	8
7	Các thành phần điều khiển và hiển thị.....	8
7.1	Hiển thị trạng thái.....	8
7.1.1	Hiển thị ký hiệu.....	8
7.1.2	Tín hiệu âm thanh.....	8
	Chức năng của thiết bị.....	9
7.1.3	Ghi chú về chức năng của thiết bị.....	9
7.2	Bật và tắt thiết bị.....	9
7.2.1	WiFi.....	9
7.2.2	Nhiệt độ.....	10
7.2.3	Đơn vị nhiệt độ.....	11
7.2.4	Chế độ ngày Sa-bát.....	11
7.2.5	Độ ẩm Chọn.....	12
7.2.6	Độ sáng màn hình.....	12
7.2.7	Bảng báo động.....	12
7.2.8	Âm thanh báo động.....	13
7.2.9	Âm thanh chính.....	13
7.2.10	Khóa màn hình.....	13
7.2.11	Hiện thị mã PIN.....	14
7.2.12	Ngôn ngữ.....	15
7.2.13	Thông tin thiết bị và phần mềm.....	15
7.2.14	Nhắc nhở.....	15
7.2.15	Chế độ demo.....	16
7.2.16	Khôi phục cài đặt gốc.....	16
	Tín nhắn.....	17
7.2.17	Cảnh báo.....	17
7.2.18	7.3. 1h 7c 3a 2.....	18
8	Tính năng.....	18
8.1	Lưu đi gỗ.....	18
8.2	Nhấn.....	19
9	Bảo trì.....	19
9.1	Bộ lọc than hoạt tính FreshAir.....	19
9.2	Vệ sinh thiết bị.....	20
10	Trợ giúp khách hàng.....	21
10.1	Thông số kỹ thuật.....	21
10.2	Tiếng ồn khi vận hành.....	21
10.3	Lỗi kỹ thuật.....	21
10.4	Dịch vụ khách hàng.....	22
10.5	Tấm mô hình.....	23
11	Tắt máy.....	23
12	Xử lý.....	23
12.1	Chuẩn bị thiết bị để xử lý.....	23
12.2	Vứt bỏ thiết bị ở nơi thân thiện với môi trường	
	cách cư xử thân thiện.....	23

Thiết bị. Luôn tuân thủ các hướng dẫn, chỉ dẫn an toàn và thông báo cảnh báo kèm theo. Chúng rất quan trọng để đảm bảo bạn có thể vận hành và lắp đặt thiết bị an toàn và không gặp bất kỳ sự cố nào.

Nguy hiểm cho người sử dụng

dùng: - Trẻ em và những người bị suy giảm khả năng thể chất, giác quan hoặc tinh thần hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức có thể sử dụng thiết bị này, miễn là họ được giám sát hoặc được hướng dẫn về cách sử dụng thiết bị này một cách an toàn và về những mối nguy hiểm có thể xảy ra.

Trẻ em không được chơi với thiết bị này.

Trẻ em không được tự ý vệ sinh và bảo trì thiết bị khi không có sự giám sát của người lớn. Trẻ em từ 3 đến 8 tuổi được phép tự tháo lắp thiết bị. Trẻ em dưới 3 tuổi phải tránh xa thiết bị trừ khi có sự giám sát liên tục của người lớn.

- Ổ cắm phải dễ dàng tiếp cận để có thể nhanh chóng ngắt kết nối thiết bị khỏi nguồn điện trong trường hợp khẩn cấp. Ổ cắm không được đặt ở khu vực phía sau thiết bị.

- Khi ngắt thiết bị khỏi nguồn điện, luôn cầm vào phích cắm. Không kéo dây cáp.

- Trong trường hợp có lỗi, hãy rút phích cắm điện hoặc ngắt cầu chì.

- Không làm hỏng dây nguồn. Không vận hành thiết bị khi dây nguồn bị lỗi.

- Chỉ có nhân viên chăm sóc khách hàng hoặc nhân viên được đào tạo đặc biệt mới được sửa chữa hoặc thực hiện các thao tác khác trên thiết bị.

- Chỉ lắp đặt, kết nối và vứt bỏ thiết bị theo đúng hướng dẫn.

- Chỉ sử dụng thiết bị khi đã lắp đặt xong.

Nguy cơ cháy

nổ: - Chất làm mát được sử dụng (thông tin trên biển số xe) thân thiện với môi trường nhưng cũng dễ cháy.

Bất kỳ chất làm mát rò rỉ nào

cũng có thể bắt lửa. • Không làm hỏng mạch làm lạnh ống.

• Không chạm vào nguồn gây cháy bên trong thiết bị. • Không sử dụng

các thiết bị điện bên trong thiết bị (ví dụ: máy làm sạch bằng hơi nước, máy sưởi, máy làm kem, v.v.). • Nếu chất làm lạnh bị rò rỉ: loại bỏ mọi ngọn

lửa trần hoặc nguồn gây cháy khỏi khu vực rò rỉ. Thông gió phòng đúng cách. Thông báo cho bộ phận chăm sóc khách hàng.

- Không cất giữ chất nổ hoặc bình xịt sử dụng các chất dễ cháy như butan, propan, pentan, v.v. trong thiết bị. Để nhận biết các bình xịt này, hãy xem danh sách thành phần được in trên bình hoặc biểu tượng ngọn lửa. Khí có thể thoát ra ngoài có thể bắt lửa do các linh kiện điện.

- Để nén, đèn và các vật dụng có ngọn lửa trần khác tránh xa thiết bị để tránh gây cháy thiết bị.

- Vui lòng đảm bảo bảo quản đồ uống có cồn hoặc bao bì chứa cồn trong hộp kín. Cồn rò rỉ ra ngoài có thể gây cháy do các linh kiện điện.

Nguy cơ đổ và rơi: - Không sử dụng bề,

ngăn kéo, cửa, v.v. làm bậc thang hoặc chỗ dựa. Điều này đặc biệt đúng với trẻ em.

Nguy cơ ngộ độc thực phẩm: - Không

sử dụng thực phẩm đã bị

lưu trữ quá lâu.

Nguy cơ tê cóng, tê liệt và đau đớn: - Tránh tiếp xúc

da trong thời gian dài với bề mặt lạnh hoặc hàng hóa đông lạnh/lạnh hoặc thực hiện các biện pháp bảo vệ, ví dụ như đeo găng tay.

Nguy cơ gây thương tích và hư hỏng: -

Hơi nước nóng có thể gây thương tích. Không sử dụng thiết bị làm nóng bằng điện hoặc hơi nước, ngọn lửa trần hoặc bình xịt đã đông để đông.

- Không sử dụng vật sắc nhọn để tháo đá.

Nguy cơ bị đè bẹp: -

Không giữ bản lề khi mở và đóng cửa. Ngón tay có thể bị kẹt.

Các ký hiệu trên thiết bị:



Biểu tượng này có thể nằm trên máy nén. Nó liên quan đến dầu trong máy nén và đề cập đến nguy cơ: Nuốt hoặc hít phải có thể gây tử vong. Lời khuyên này chỉ áp dụng cho việc tái chế. Không có nguy hiểm nào trong quá trình vận hành bình thường.



Biểu tượng này nằm trên máy nén và chỉ ra mối nguy hiểm của vật liệu dễ cháy. Không được bóc nhãn dán.



Nhãn dán này hoặc nhãn dán tự động tự có thể được tìm thấy ở mặt sau của thiết bị. Nhãn dán này cho biết có tấm cách nhiệt chân không (VIP) hoặc tấm đá trân châu trong cửa và/hoặc vỏ thiết bị. Khuyến cáo này chỉ áp dụng cho việc tái chế. Không bóc nhãn dán.

Tổng quan về thiết bị

Xin lưu ý các thông báo cảnh báo và lời khuyên cụ thể khác trong các chương khác:

	SỰ NGUY HIỂM	báo hiệu ngay lập tức một tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng nếu không tránh được.
	CẢNH BÁO chỉ ra	tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng nếu không tránh được.
	THẬN TRỌNG	chỉ ra tình huống nguy hiểm có thể dẫn đến thương tích nhẹ hoặc vừa phải nếu không tránh được.
	ĐỂ Ý	chỉ ra tình huống nguy hiểm có thể gây thiệt hại cho tài sản nếu không tránh được.
	Ghi chú	chỉ ra những hướng dẫn và mẹo hữu ích.

2 Tổng quan về thiết bị

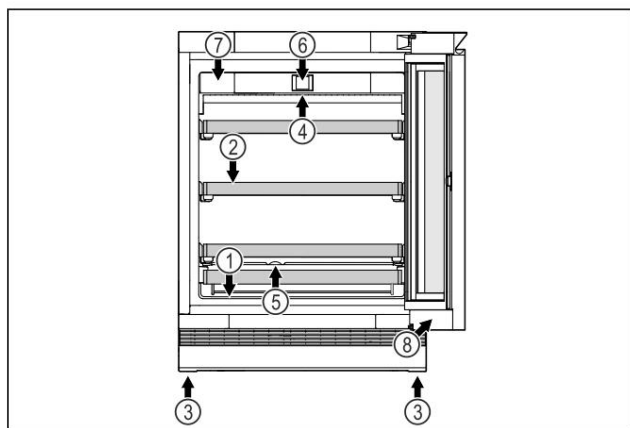
2.1 Phạm vi cung cấp

Kiểm tra tất cả các bộ phận xem có hư hỏng do vận chuyển không. Liên hệ với đại lý hoặc bộ phận chăm sóc khách hàng nếu có khiếu nại. (xem mục 10.4 Dịch vụ Khách hàng)

Thiết bị mới của bạn bao gồm các bộ phận sau:

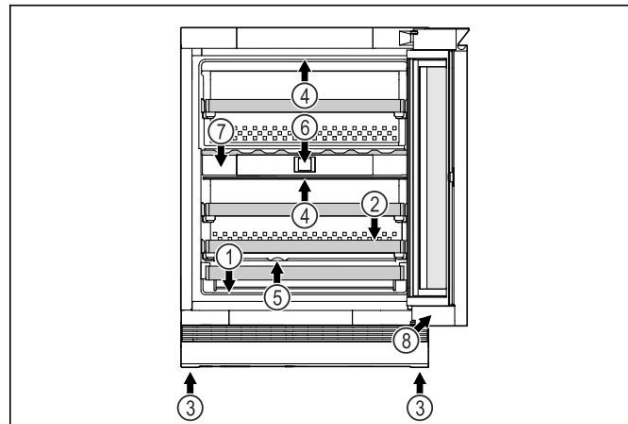
- Thiết bị tích hợp
- Tính năng (tùy theo từng model)
- Vật liệu lắp đặt (tùy theo model)
- "Hướng dẫn bắt đầu nhanh"
- "Hướng dẫn cài đặt"
- Tờ rơi dịch vụ

2.2 Tổng quan về thiết bị và dụng cụ



Hình 1. Ví dụ minh họa, thiết bị phía trước

- (5) Thoát nước ngưng tụ (6) Bộ điều khiển và hiển thị nhiệt độ (7) Bộ lọc than hoạt tính
- (1) Loại tấm (2) Kệ (3) Chân có thể điều chỉnh (4) Chiếu sáng nội thất
- FreshAir (8) Khóa



Hình 2. Ví dụ minh họa, thiết bị phía trước

- (5) Thoát nước ngưng tụ (6) Bộ điều khiển và hiển thị nhiệt độ (7) Bộ lọc than hoạt tính
- (1) Loại tấm (2) Kệ (3) Chân có thể điều chỉnh (4) Chiếu sáng nội thất
- FreshAir (8) Khóa

2.3 Thiết bị thông minh

SmartDevice là giải pháp mạng cho tủ bảo quản thực phẩm của bạn.

Nếu thiết bị của bạn hỗ trợ SmartDevice hoặc tương thích, bạn có thể kết nối thiết bị với WiFi một cách nhanh chóng và dễ dàng. Với ứng dụng SmartDevice, bạn có thể vận hành thiết bị từ thiết bị di động. Các chức năng và tùy chọn cài đặt bổ sung có sẵn trong ứng dụng SmartDevice.

Thiết bị hỗ trợ SmartDevice:*

Thiết bị của bạn có khả năng trở thành một SmartDevice. Để có thể kết nối thiết bị với WiFi, bạn cần tải xuống ứng dụng SmartDevice.*

Thiết bị tương thích với SmartDevice:*

Thiết bị của bạn tương thích với SmartDeviceBox. Trước tiên, bạn phải mua và cài đặt SmartDeviceBox. Để kết nối thiết bị với WiFi, bạn cần tải xuống ứng dụng SmartDevice.*



Thông tin thêm về SmartDevice:

smartdevice.liebherr.com

Mua hàng SmartDeviceBox trong Liebherr-Cửa hàng đồ gia dụng:*

home.liebherr.com/shop/de/deu/smartdevicebox.html*

Đang tải xuống Ứng dụng SmartDevice:



Sau khi cài đặt và cấu hình SmartDevice, bạn có thể kết nối thiết bị của mình với WiFi bằng ứng dụng SmartDevice và chức năng thiết bị WiFi (xem 7.2.3 WiFi).

Chức năng của màn hình cảm ứng

Lưu ý

ý Chức năng SmartDevice không khả dụng ở các quốc gia sau: Nga, Belarus, Kazakhstan.

Bạn không thể sử dụng SmartDeviceBox.*

2.4 Phạm vi sử dụng của thiết bị

Mục đích sử dụng

Thiết bị này chỉ thích hợp để bảo quản rượu vang trong môi trường gia đình hoặc tư dụng tự như môi trường gia đình.

Điều này bao gồm, ví dụ, sử dụng - trong bếp của nhân viên, cơ sở lưu trú, - bởi khách ở nhà nghỉ, khách sạn, nhà nghỉ ven đường và các chỗ ở khác, - cho dịch vụ ăn uống và các dịch vụ tư dụng tự trong

thương mại bán buôn.

Thiết bị này không thích hợp để đông lạnh thực phẩm; Thiết bị này

thích hợp để lắp dưới quầy bếp.

Mọi hình thức sử dụng khác đều không được phép.

Lạm dụng có thể lưu trữ

trước Các ứng dụng sau đây bị nghiêm cấm: - Lưu trữ và làm lạnh thuốc,

huyết tương, chế phẩm xét nghiệm hoặc các chất và sản phẩm tư dụng tự dựa trên Chỉ thị về thiết bị y tế 2007/47/EC - Sử dụng ở khu vực ngoài trời có độ ẩm rất cao - Sử dụng ở khu vực có nguy cơ nổ Sử dụng thiết bị sai mục đích có thể làm hỏng hàng hóa được lưu trữ hoặc có thể làm hỏng hàng hóa.

Phân loại khí hậu: Tùy thuộc vào

phân loại khí hậu, thiết bị được thiết kế để hoạt động trong điều kiện nhiệt độ môi trường hạn chế. Phân loại khí hậu áp dụng cho thiết bị của bạn được in trên nhãn mác.

Lưu ý

Duy trì nhiệt độ môi trường được chỉ định để đảm bảo thiết bị hoạt động bình thường.

Phân loại khí hậu	đối với nhiệt độ môi trường xung quanh
SN	10 °C đến 32 °C
N	16 °C đến 32 °C
ST	16 °C đến 38 °C
T	16 °C đến 43 °C
SN-ST	10 °C đến 38 °C
SN-T	10 °C đến 43 °C

* Tùy thuộc vào mẫu mã và tùy chọn

2.5 Sự phù hợp

Mạch làm lạnh đã được kiểm tra rò rỉ. Khi lắp đặt, thiết bị tuân thủ các quy định an toàn hiện hành và các chỉ thị tư dụng ứng.

Đối với thị trường EU:* Thiết bị này tuân thủ chỉ thị 2014/53/EU.*

Đối với thị trường Anh: Thiết bị này tuân thủ Quy định về thiết bị vô tuyến năm 2017 SI 2017 số 1206.*

Toàn văn Tuyên bố về sự phù hợp của EU có sẵn trên trang web sau: www.liebherr.com

2.6 Các chất SVHC theo quy định REACH

Bạn có thể kiểm tra xem thiết bị của mình có chứa chất SVHC theo quy định của REACH hay không tại liên kết sau: home.liebherr.com/de/deu/de/liebherr-erleben/nach-haltigkeit/umwelt/scip/scip.html

2.7 Cơ sở dữ liệu EPREL

Thông tin chi tiết về các yêu cầu về dán nhãn năng lượng và thiết kế sinh thái sẽ có sẵn trên cơ sở dữ liệu sản phẩm châu Âu (EPREL) từ ngày 1 tháng 3 năm 2021. Bạn có thể truy cập cơ sở dữ liệu sản phẩm tại liên kết sau: <https://eprel.ec.europa.eu/> Bạn sẽ được yêu cầu nhập ID model. ID model có thể được tìm thấy trên nhãn sản phẩm.

2.8 Phụ tùng thay thế

Thời gian cung cấp phụ tùng thay thế cho các bộ phận chức năng và các bộ phận có sẵn của thiết bị là 15 năm.

3 Chức năng của màn hình cảm ứng

Bạn vận hành thiết bị bằng màn hình cảm ứng. Bạn chọn các chức năng của thiết bị trên màn hình cảm ứng (sau đây gọi là màn hình) bằng cách chạm vào chúng. Nếu bạn không thực hiện bất kỳ thao tác nào trên màn hình trong 10 giây, màn hình sẽ nhảy trở lại menu cấp cao hơn hoặc trực tiếp đến màn hình trạng thái.

3.1 Điều hướng và giải thích ký hiệu

Trong hình minh họa, các ký hiệu khác nhau được sử dụng để điều hướng màn hình. Bảng sau đây mô tả các ký hiệu này.

Biểu tượng	Sự miêu tả
	Nhấn nút điều hướng Tiếp theo mũi tên: Điều hướng đến tùy chọn tiếp theo trong menu.
	Nhấn nút Quay lại mũi tên: Nhảy trở lại một tùy chọn trong thực đơn.

Biểu tượng	Sự miêu tả
	Nhấn và giữ mũi tên điều hướng Quay lại trong 3 giây: Quay lại màn hình hiển thị trạng thái trong menu chính hoặc từ menu Cài đặt.
	Nhấn mũi tên điều hướng nhiều lần liên tiếp: Điều hướng trong menu đến chức năng mong muốn.
	Nhấn vào biểu tượng Xác nhận: Kích hoạt/hủy kích hoạt chức năng. Mở menu phụ.
	Nhấn biểu tượng Xác nhận cùng với biểu tượng quay lại: Quay lại một cấp menu.
	Mũi tên có đồng hồ: Phải mất hơn 10 giây để thông báo sau xuất hiện trên màn hình.
	Mũi tên chỉ thời gian: Phải mất một khoảng thời gian nhất định cho đến khi thông báo sau xuất hiện trên màn hình.
	Biểu tượng "Mở menu Cài đặt": Điều hướng đến menu Cài đặt và mở menu cài đặt. Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn trong Cài đặt thực đơn. (xem 3.2.1 Mở menu Cài đặt)
Không có hành động nào trong 10 giây	Nếu bạn không thực hiện bất kỳ hành động nào trên màn hình trong 10 giây, màn hình sẽ nhảy trở lại menu cấp cao hơn hoặc trực tiếp đến màn hình trạng thái.
Mở cửa và đóng lại	Nếu bạn mở cửa và ngay lập tức đóng lại, màn hình sẽ nhảy trực tiếp trở lại màn hình trạng thái.

Lưu ý: Hình ảnh minh họa được hiển thị trong phiên bản tiếng Anh.

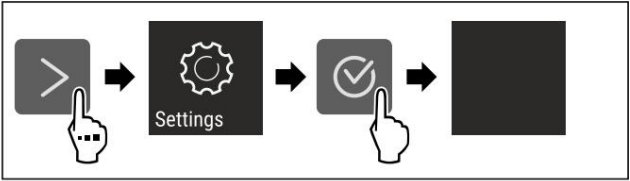
3.2 Thực đơn

Các chức năng của thiết bị có thể được tìm thấy trong nhiều menu khác nhau.

Thực đơn	Sự miêu tả
Menu chính Khi bạn bật thiết bị, bạn sẽ tự động vào menu chính.	
	Từ đây, bạn có thể điều hướng đến các chức năng quan trọng nhất của thiết bị, đến menu Cài đặt và menu Nâng cao.

Thực đơn	Mô tả Menu
 Cài đặt thực đơn	Cài đặt chứa các chức năng thiết bị bổ sung để thiết lập thiết bị của bạn. (xem 3.2.1 Mở menu Cài đặt)

3.2.1 Mở menu Cài đặt



Hình 3 Ví dụ minh họa Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Menu Cài đặt đang mở. Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn.

3.3 Chế độ ngủ

Nếu bạn không chạm vào màn hình trong 1 phút, màn hình sẽ chuyển sang chế độ ngủ. Ở chế độ ngủ, độ sáng màn hình sẽ mờ đi.

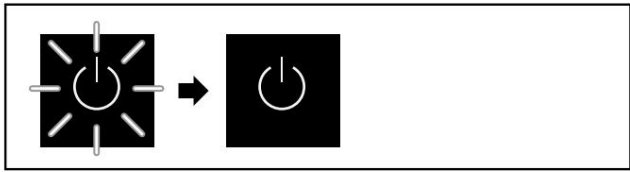
3.3.1 Kết thúc chế độ ngủ Nhấn bất

kỳ phím điều hướng nào. Chế độ ngủ đã kết thúc.

4 Đưa vào vận hành

4.1 Bật thiết bị (lần đầu sử dụng)

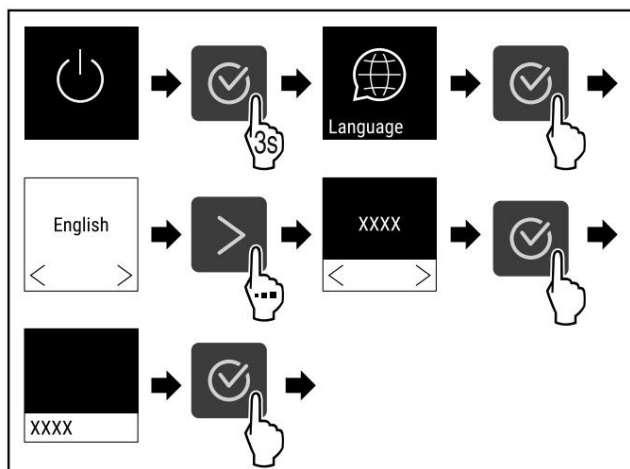
- Đảm bảo đáp ứng các điều kiện tiên quyết sau: - Thiết bị đã được lắp đặt và kết nối.
- Tháo bỏ tất cả các dải keo dính, màng dính và màng bảo vệ cũng như khóa vận chuyển ở bên trong và bên ngoài thiết bị.



Hình 4. Ví dụ minh họa Biểu tượng chờ sẽ nhấp nháy cho đến khi quá trình khởi động hoàn tất.

Biểu tượng chế độ chờ sẽ hiển thị trên màn hình.

Nếu thiết bị được cung cấp với cài đặt gốc, trước tiên cần phải chọn ngôn ngữ màn hình khi sử dụng lần đầu tiên.



Hình 5

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.



Hình 6 *



Hình 7 *

Thiết bị sẽ được bật khi nhiệt độ hiển thị trên màn hình. Màn hình hiển thị nhiệt độ sẽ nhấp nháy cho đến khi đạt đến nhiệt độ đã cài đặt.

5 Lưu trữ

5.1 Thông tin về lưu trữ



CẢNH BÁO

Nguy cơ cháy nổ từ các thiết bị điện!

Nếu bạn sử dụng các thiết bị điện trong khu vực thực phẩm của thiết bị, chúng có thể gây ra hỏa hoạn. Không sử dụng các thiết bị điện trong khu vực thực phẩm của thiết bị trừ khi có khuyến cáo của nhà sản xuất.

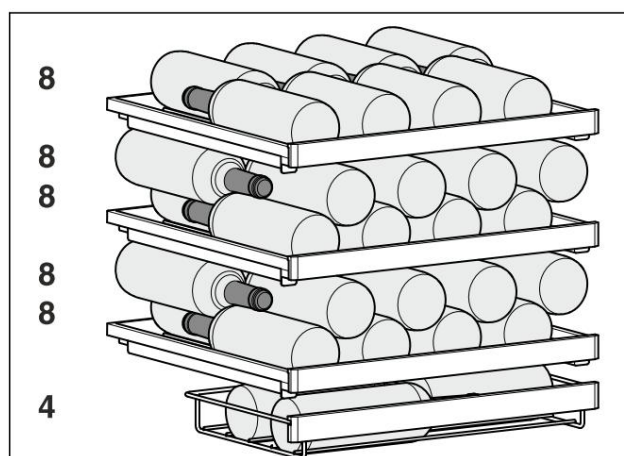
Lư u

Ý: Mức tiêu thụ năng lượng tăng lên và công suất làm mát giảm xuống nếu thông gió không đủ. Luôn giữ cho các khe hở không khí thông thoáng.

Tuân thủ các thông số kỹ thuật sau đây khi bảo quản: - Giữ cho lỗ thông gió trên quạt luôn thông thoáng.

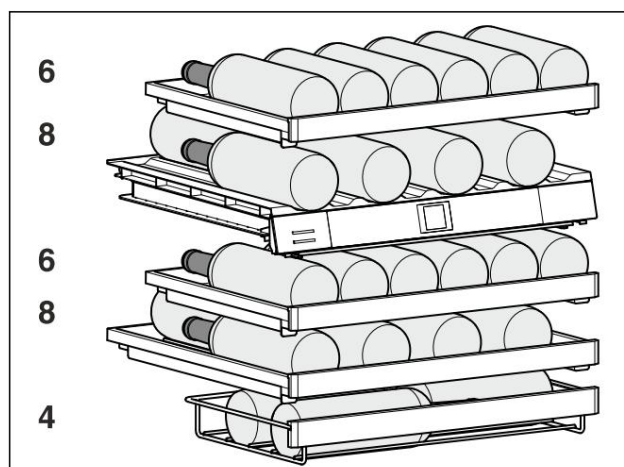
5.2 Bản phác thảo lưu trữ

5.2.1 UWgb 3631



Hình 8 Tổng cộng 44 chai (chai Bordeaux 0,75 lít theo tiêu chuẩn NF H 35-124)

5.2.2 UWgb 3632



Hình 9 Tổng cộng 32 chai (chai Bordeaux 0,75 lít theo tiêu chuẩn NF H 35-124)

6 Tiết kiệm năng lượng

- Chú ý thông gió tốt. Không che các lỗ thông gió hoặc lưu đi thông gió.
- Luôn giữ cho khe gió của quạt thông thoáng.
- Không lắp đặt thiết bị dư đi ánh nắng trực tiếp hoặc gần bộ tản nhiệt hoặc các nguồn nhiệt tự động tự.
- Nếu thiết bị dư ợc lắp đặt trực tiếp cạnh lò nư ớng, mức tiêu thụ năng lượng có thể tăng nhẹ. Điều này phụ thuộc vào tuổi thọ và cấu ớng độ vận dụng của lò nư ớng.
- Mức tiêu thụ năng lượng phụ thuộc vào điều kiện lắp đặt, ví dụ như nhiệt độ môi trường (xem mục 2.4 Phạm vi sử dụng của thiết bị). Nhiệt độ môi trường ẩm hơn có thể làm tăng mức tiêu thụ năng lượng.
- Mở thiết bị trong thời gian ngắn nhất có thể.
- Nhiệt độ cài đặt càng thấp thì mức tiêu thụ năng lượng càng cao.

Kiểm soát

7 Điều khiển

7.1 Các thành phần điều khiển và hiển thị

Màn hình cung cấp cái nhìn tổng quan nhanh về trạng thái thiết bị hiện tại, cài đặt nhiệt độ, trạng thái chức năng và cài đặt cũng như thông báo cảnh báo và lỗi.

Nó được vận hành bằng cách sử dụng các mũi tên điều hướng và biểu tượng xác nhận.

Có thể kích hoạt hoặc hủy kích hoạt các chức năng và thay đổi giá trị cài đặt.



Hình 10 Hiển thị*

(1) Hiển thị trạng thái (2) Điều hướng ngược mũi tên (3) Chuyển tiếp điều hướng mũi tên (4) Xác nhận



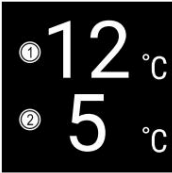
Hình 11 Hiển thị*

(1) Hiển thị trạng thái (2) Điều hướng ngược mũi tên (3) Chuyển tiếp điều hướng mũi tên (4) Xác nhận

7.1.1 Hiển thị trạng thái



Hình 12 Hiển thị trạng thái với nhiệt độ*



Hình 13 Hiển thị trạng thái*

(1) Nhiệt độ, phía trên (2) Nhiệt độ, vùng thấp hơn

Màn hình trạng thái hiển thị nhiệt độ và là màn hình chính. Bạn có thể điều hướng từ đây đến các chức năng và cài đặt khác. Màn hình trạng thái có thể hiển thị một loạt các biểu tượng hiển thị.

7.1.2 Hiển thị ký hiệu

Biểu tượng hiển thị cung cấp thông tin về trạng thái của thiết bị.

Biểu tượng	Trạng thái thiết bị
	Thiết bị chờ đã tắt.
	Biểu tượng chờ nhấp nháy Thiết bị đang khởi động.
	Nhiệt độ nhấp nháy Nhiệt độ mục tiêu chưa đạt được. Thiết bị đang làm mát đến nhiệt độ đã đặt.
	Hiển thị nhiệt độ
	D trên màn hình Thiết bị đang ở chế độ DemoMode.
	Biểu tượng nhấp nháy Lỗi vẫn đang xảy ra.
	Biểu tượng lỗi Thiết bị đang ở trạng thái lỗi.
	Thanh màu trắng ở phía dưới Menu phụ
	Nền trắng Mặc định, cài đặt đang hoạt động hoặc giá trị đang hoạt động
	Thanh tăng Nhấn nút trong 3 giây để kích hoạt cài đặt.
	Thanh giảm Nhấn nút trong 3 giây để hủy kích hoạt cài đặt.

Biểu tượng hiển thị trạng thái

7.1.3 Tín hiệu âm thanh

Sẽ có tín hiệu phát ra trong các trường hợp sau:

- Nếu một hàm hoặc một giá trị được xác nhận.
- Nếu một chức năng hoặc một giá trị không thể được kích hoạt hoặc không thể bị hủy kích hoạt.

- Ngay khi có lỗi xảy ra.
 - Nếu có tín hiệu báo động.
- Báo động có thể được bật và tắt trong khách hàng thực đơn.

7.2 Chức năng của thiết bị

7.2.1 Ghi chú về chức năng của thiết bị

Các chức năng của thiết bị được thiết lập tại nhà máy để thiết bị của bạn hoạt động đầy đủ chức năng.

Trước khi bạn thay đổi, kích hoạt hoặc hủy kích hoạt các chức năng của thiết bị, hãy đảm bảo rằng các yêu cầu sau được đáp ứng:

Ứng: Bạn đã đọc và hiểu mô tả về cách thức hoạt động của màn hình. (xem 3 Chức năng của màn hình cảm ứng)

 Bạn đã làm quen với các bộ phận vận hành và hiển thị của thiết bị. (xem 7.1 Bộ phận điều khiển và hiển thị)

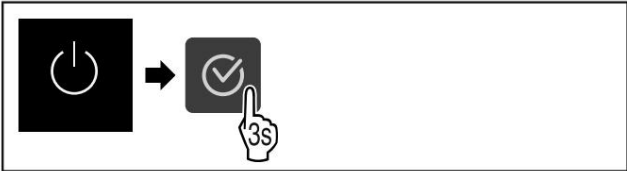


7.2.2 Bật và tắt thiết bị

Sử dụng cài đặt này, toàn bộ thiết bị có thể được bật và tắt.

Bật thiết bị

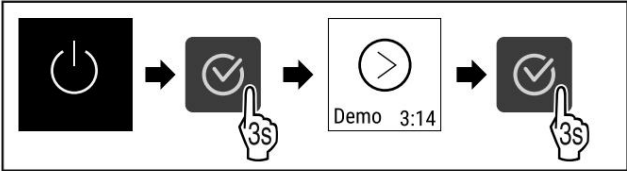
Nếu không kích hoạt DemoMode:



Hình 14

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

Khi DemoMode được kích hoạt:



Hình 15

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

Lưu ý: Tắt DemoMode trước khi quá trình đếm ngược kết thúc.



Hình 16 *

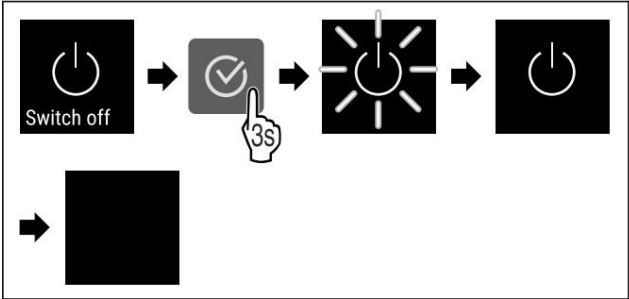
Hình 17

* Nhiệt độ hiển thị trên màn hình.

Tắt thiết bị



Hình 18



Hình 19

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Biểu tượng chờ sẽ hiển thị trên màn hình. Màn hình sẽ tắt sau khoảng 10 phút.

7.2.3 WiFi



Sử dụng chức năng này để kết nối thiết bị của bạn với WiFi. Sau đó, bạn có thể vận hành thiết bị thông qua ứng dụng SmartDevice trên thiết bị di động. Bạn cũng có thể sử dụng chức năng này để ngắt kết nối hoặc thiết lập lại kết nối WiFi.

Để kết nối thiết bị của bạn với WiFi, bạn cần có SmartDevice- ceBox.* Thông tin thêm về

SmartDevice: (xem 2.3 SmartDevice)

Lưu ý

Chức năng SmartDevice không khả dụng ở các quốc gia sau: Nga, Belarus, Kazakhstan.

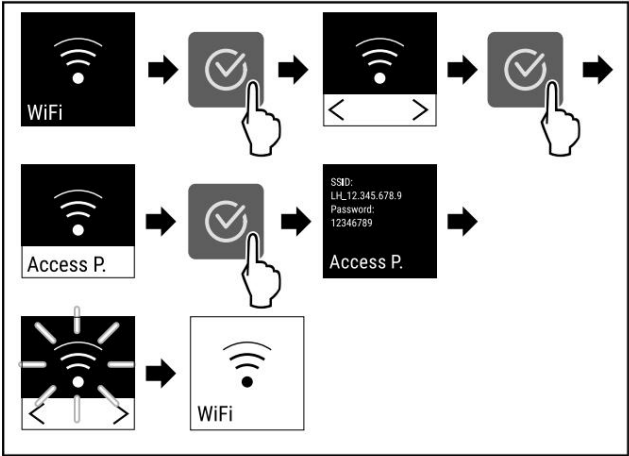
Bạn không thể sử dụng SmartDeviceBox.*

Thiết lập kết nối WiFi lần đầu tiên Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: Bạn đã mua và lắp SmartDeviceBox. (xem 2.3 SmartDevice) * Bạn đã cài đặt ứng dụng SmartDevice (xem apps.home.liebherr.com).

Đăng ký trên ứng dụng SmartDevice đã hoàn tất.



Hình 20



Ngắt kết nối khỏi WiFi



Đặt lại kết nối WiFi



Hiển thị thông tin về kết nối WiFi



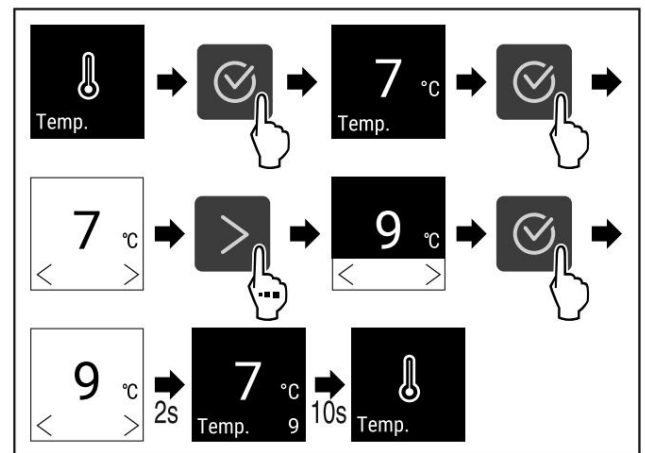
12°C

12 °C
5 °C

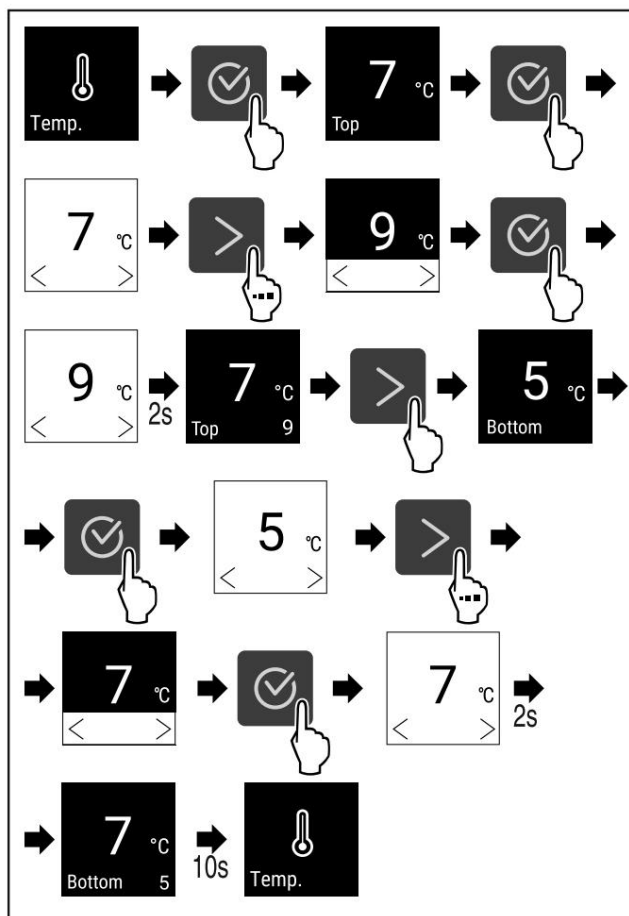
thái Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.



Cài đặt nhiệt độ



* Tùy thuộc vào mẫu mã và tùy chọn



Hình 30 Nhiệt độ thay đổi từ 7 °C đến 9 °C và từ 5 °C đến 7 °C*

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Nhiệt độ đã được cài đặt.



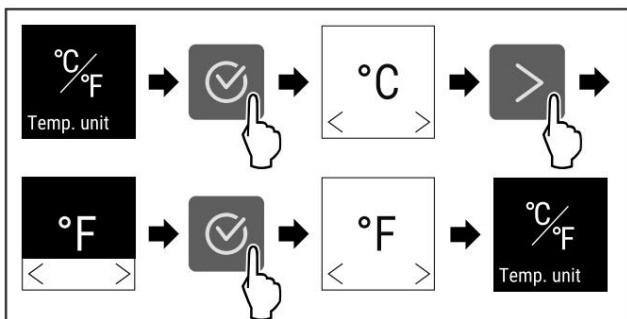
7.2.5 Đơn vị nhiệt độ

Sử dụng chức năng này để cài đặt đơn vị nhiệt độ. Bạn có thể cài đặt độ C hoặc độ F làm đơn vị nhiệt độ.

Cài đặt đơn vị nhiệt độ



Hình 31



Hình 32 Ví dụ minh họa: Chuyển từ độ C sang độ F. Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Đơn vị nhiệt độ đã được thiết lập.



7.2.6 Chế độ ngày Sa-bát

Bạn có thể sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt Chế độ Sabbath. Khi bạn kích hoạt chức năng này, một số chức năng điện tử sẽ bị tắt. Nhờ đó, thiết bị của bạn đáp ứng các yêu cầu tôn giáo cho các ngày lễ Do Thái như Sabbath và tuân thủ chứng nhận STAR-K Kosher.

Trạng thái thiết bị khi SabbathMode đang hoạt động
Màn hình trạng thái luôn hiển thị chế độ SabbathMode.
Tất cả các chức năng trên màn hình đều bị khóa ngoại trừ chức năng Deactivate SabbathMode.
Các chức năng đang hoạt động vẫn đang hoạt động.
Màn hình vẫn sáng khi bạn đóng cửa.
Hệ thống chiếu sáng bên trong đã bị tắt.
Lời nhắc không đư ợc thực hiện. Khoảng thời gian đã đặt sẽ dừng lại.
Không hiển thị lời nhắc và cảnh báo.
Không có chuông báo động cửa.
Không có báo động nhiệt độ.
Sau khi mất điện, thiết bị sẽ trở về chế độ SabbathMode.
Trạng thái thiết bị

Lũ u

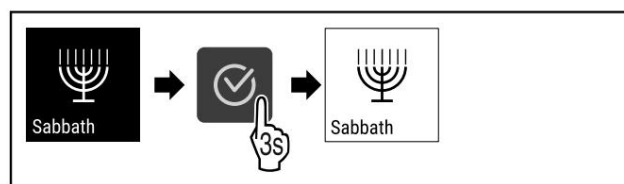
ý Thiết bị này có chứng nhận từ "Viện Khoa học và Halacha". (www.machonhalacha.co.il)

Bạn có thể tìm danh sách các thiết bị được chứng nhận STAR-K tại www.star-k.org/appliances.

Kích hoạt chế độ Sabbath



Hình 33

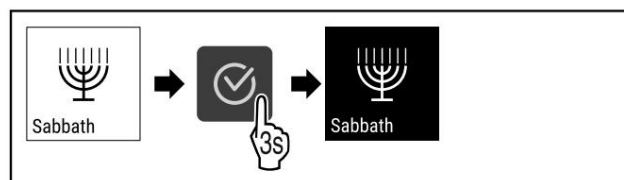


Hình 34

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Chế độ Sabbath được kích hoạt. Màn hình trạng thái hiển thị SabbathMode vĩnh viễn.

Tắt SabbathMode: Chế độ

SabbathMode sẽ tự động tắt sau 80 giờ. Tuy nhiên, bạn cũng có thể tắt SabbathMode theo cách thủ công bất cứ lúc nào:



Hình 35

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Chế độ Sabbath đã bị vô hiệu hóa.

Kiểm soát

7.2.7 Độ ẩm

Chọn

Sử dụng chức năng này để cài đặt độ ẩm bên trong thiết bị của bạn. Thiết lập độ ẩm chính xác sẽ có tác động tích cực đến cấu trúc của nút chai trong quá trình bảo quản lâu dài và ngăn chúng bị khô.

Lưu ý

Tần suất và thời gian mở cửa ảnh hưởng đến độ ẩm trong thiết bị.

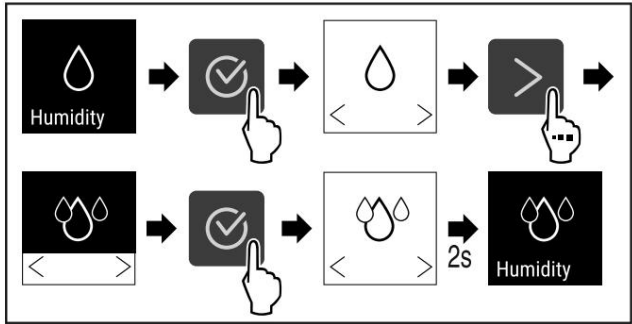
Bạn có thể chọn giữa hai chế độ độ ẩm:

Chức năng HumiditySelect	Cài đặt nhiệt độ trên ứng dụng ane	Ứng dụng/tiêu thụ năng lượng
Tiêu chuẩn (cài đặt trước)	10-12 °C	độ ẩm trung bình trong môi trường từ 50-80% mức tiêu thụ năng lượng thấp của thiết bị độ ẩm trung
Cao	10-12 °C	binh trong môi trường < 50% mức tiêu thụ năng lượng của thiết bị tăng lên

Tăng độ ẩm trong thiết bị



Hình 36



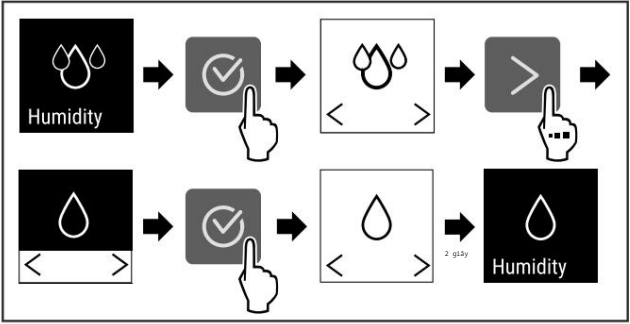
Hình 37

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Độ ẩm trong thiết bị tăng lên.

Thiết lập độ ẩm trong thiết bị theo tiêu chuẩn



Hình 38



Hình 39

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Độ ẩm trong thiết bị giảm.



7.2.8 Độ sáng màn hình

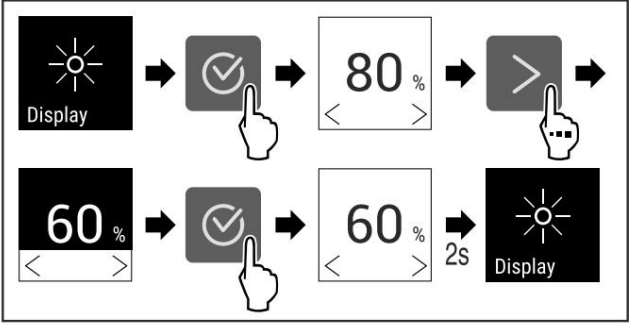
Sử dụng chức năng này để cài đặt độ sáng màn hình theo từng giai đoạn.

Bạn có thể chọn các mức độ sáng sau: - 20% - 40% - 60% - 80% - 100% (cài đặt trước)

Cài đặt độ sáng



Hình 40



Hình 41 Ví dụ minh họa: Chuyển từ 80% sang 60%.

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Độ sáng đã được thiết lập.



7.2.9 Bão báo động

Sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt báo động cửa.

Chuông báo cửa sẽ kêu nếu cửa mở quá lâu. Chuông báo cửa sẽ được kích hoạt khi giao hàng. Bạn có thể cài đặt thời gian cửa có thể mở trước khi chuông báo cửa kêu.

Có thể thiết lập các giá trị sau: - 1 phút

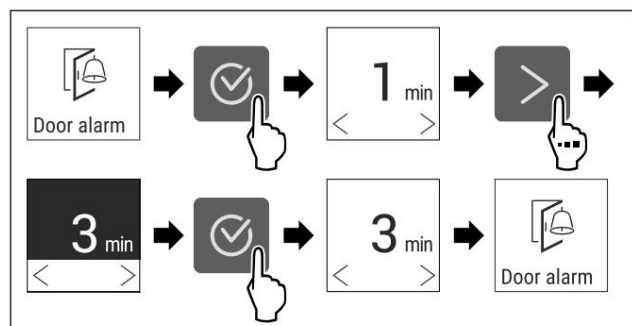
- 2 phút - 3 phút

- Tắt

Cài đặt báo động cửa



Hình 42



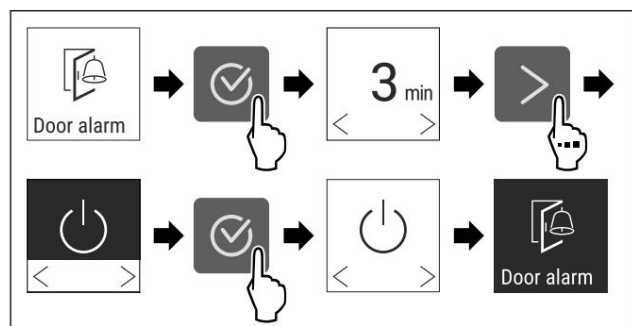
Hình 43 Ví dụ minh họa: Thay đổi báo động cửa từ 1 phút thành 3 phút. Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Báo động cửa đã được cài đặt.

hành động theo hình minh họa. Báo động cửa đã được cài đặt.

Tắt báo động cửa



Hình 45



Hình 46

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Báo động cửa đã bị vô hiệu hóa.

7.2.10 Âm thanh báo động

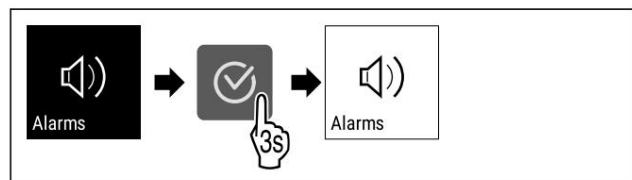


Chức năng này cho phép bật và tắt tất cả âm thanh báo động, chẳng hạn như báo động cửa.

Kích hoạt âm thanh báo động



Hình 47



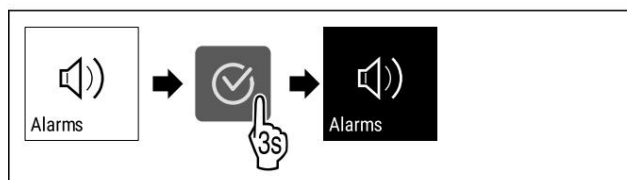
Hình 48

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Âm thanh báo động được kích hoạt.

Tắt âm thanh báo động



Hình 49



Hình 50

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Âm thanh báo động đã bị tắt.



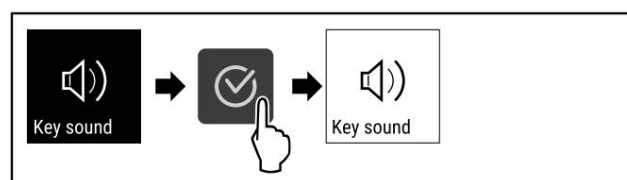
7.2.11 Âm thanh chính

Chức năng này cho phép bật hoặc tắt tất cả âm thanh xác nhận và Startsound.

Kích hoạt âm thanh phím



Hình 51



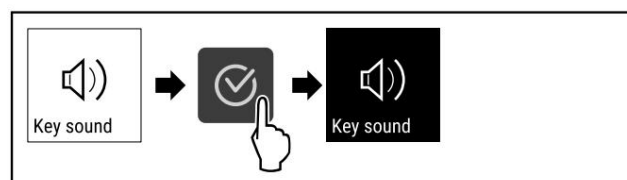
Hình 52

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Âm thanh phím được kích hoạt.

Tắt âm thanh phím



Hình 53



Hình 54

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Âm thanh phím bị tắt.



7.2.12 Khóa màn hình

Cài đặt này giúp tránh việc vận hành thiết bị một cách vô tình.

Ứng dụng:

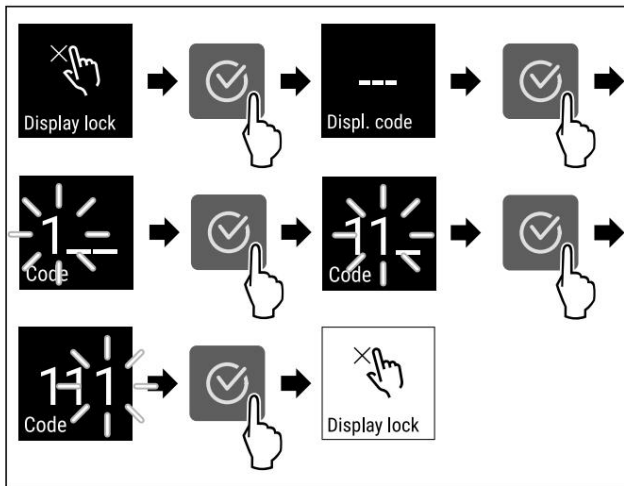
- Ngăn chặn các thiết lập và chức năng bị thay đổi ngoài ý muốn về mặt ngôn ngữ.
- Ngăn chặn thiết bị bị tắt ngoài ý muốn.
- Ngăn ngừa nhiệt độ được cài đặt ngoài ý muốn.

Kiểm soát

Kích hoạt khóa màn hình



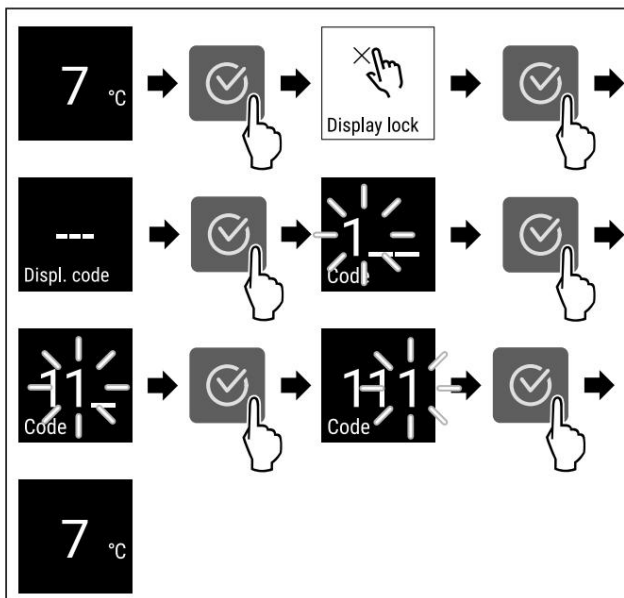
Hình 55



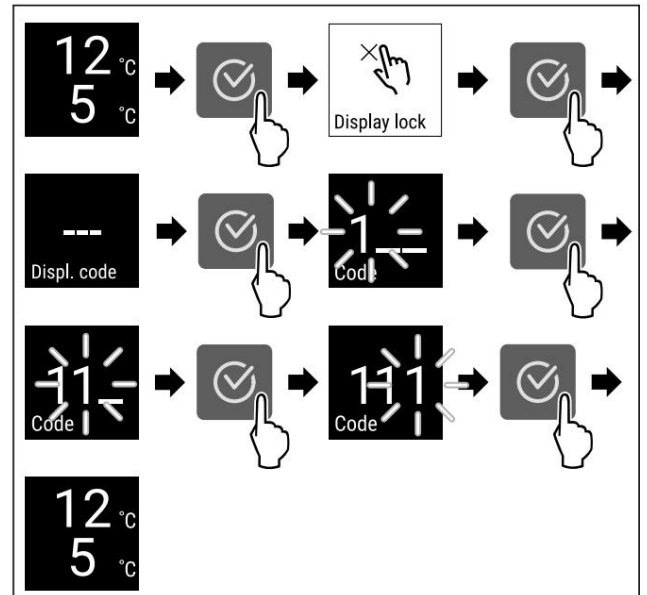
Hình 56 Ví dụ sử dụng mã hiển thị cài đặt trước 1

1. Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Khóa màn hình được kích hoạt. Màn hình trạng thái xuất hiện.

Mở khóa màn hình trong thời gian ngắn



Hình 57 *



Hình 58 *

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Khóa màn hình bị vô hiệu hóa. Màn hình trạng thái xuất hiện.



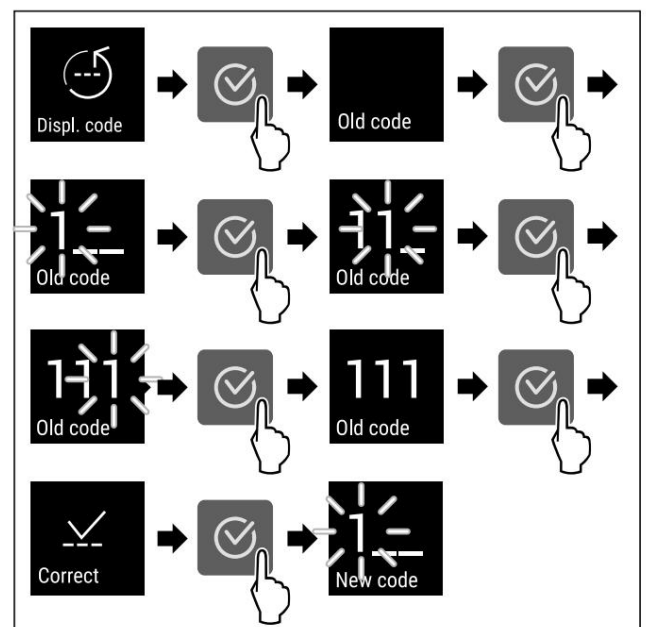
7.2.13 Hiển thị mã PIN

Sử dụng chức năng này để thay đổi mã PIN hiển thị. Mã PIN hiển thị được đặt thành 1 1 1 khi giao hàng. Nếu bạn quên mã PIN hiển thị, bạn có thể đặt lại mã PIN hiển thị bằng cách khôi phục cài đặt gốc cho thiết bị. (xem mục 7.2.18 Khôi phục cài đặt gốc)

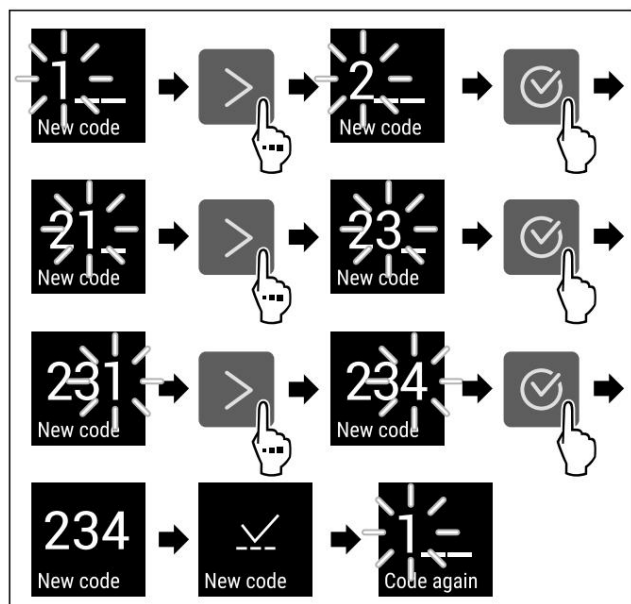
Thay đổi mã PIN hiển thị



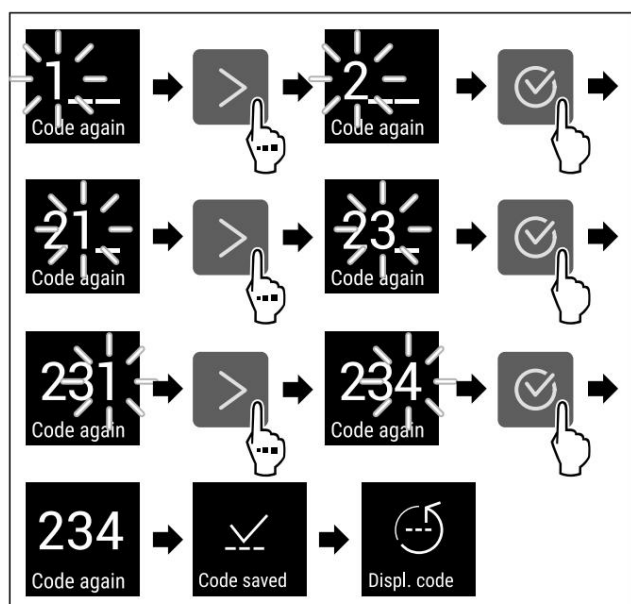
Hình 59



Hình 60 Ví dụ minh họa: Thay đổi mã PIN hiển thị từ cài đặt gốc 1 1 1 thành 2 3 4



Hình 60 Ví dụ minh họa: Thay đổi mã PIN hiển thị từ cài đặt gốc 1 1 1 thành 2 3 4



Hình 60 Ví dụ minh họa: Thay đổi mã PIN hiển thị từ cài đặt gốc 1 1 1 thành 2 3 4

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Mã PIN hiển thị đã được thay đổi.



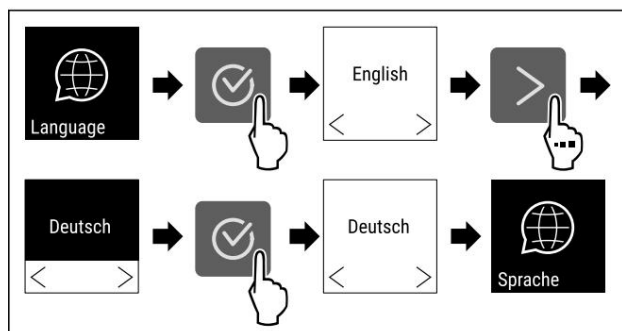
7.2.14 Ngôn ngữ

Thiết lập này cho phép thiết lập ngôn ngữ hiển thị.

Cài đặt ngôn ngữ



Hình 61



Hình 62

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Ngôn ngữ đã chọn đã được thiết lập.



7.2.15 Thông tin thiết bị và phần mềm

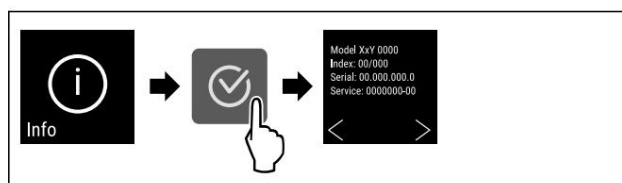
Sử dụng chức năng này để chỉ ra tên model, mã sản phẩm, số sê-ri và số dịch vụ của thiết bị. Bạn sẽ cần thông tin thiết bị khi liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng. (xem mục 10.4 Dịch vụ Khách hàng)

Chức năng này cũng mở menu Nâng cao. (xem 3 Chức năng của màn hình cảm ứng)

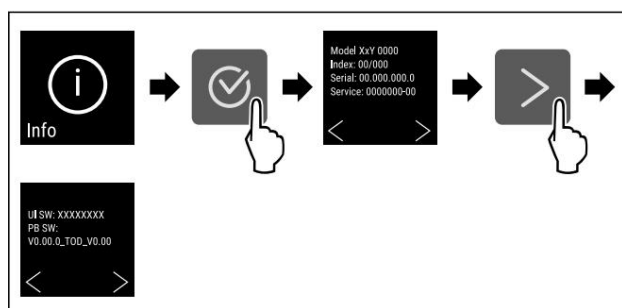
Chỉ ra thông tin thiết bị



Hình 63



Hình 64



Hình 64

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Màn hình hiển thị thông tin thiết bị.



7.2.16 Nhắc nhở

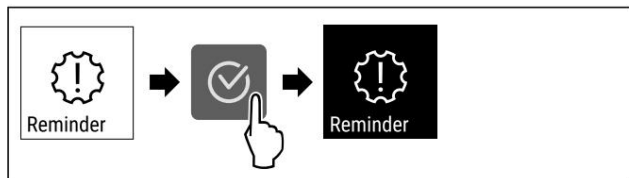
Chức năng này cho phép bạn kích hoạt hoặc hủy kích hoạt lời nhắc thay bộ lọc than hoạt tính FreshAir.

Tắt lời nhắc



Hình 65

Kiểm soát



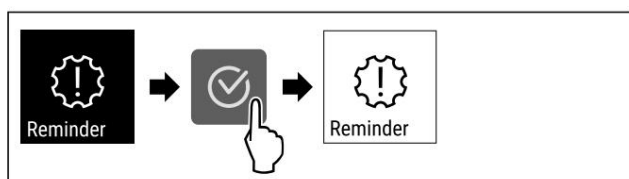
Hình 66

Thực hiện các bước theo hình minh họa. Tắt chức năng nhắc nhở.

Kích hoạt lời nhắc



Hình 67



Hình 68

Thực hiện các bước theo hình minh họa. Tính năng nhắc nhở được kích hoạt.



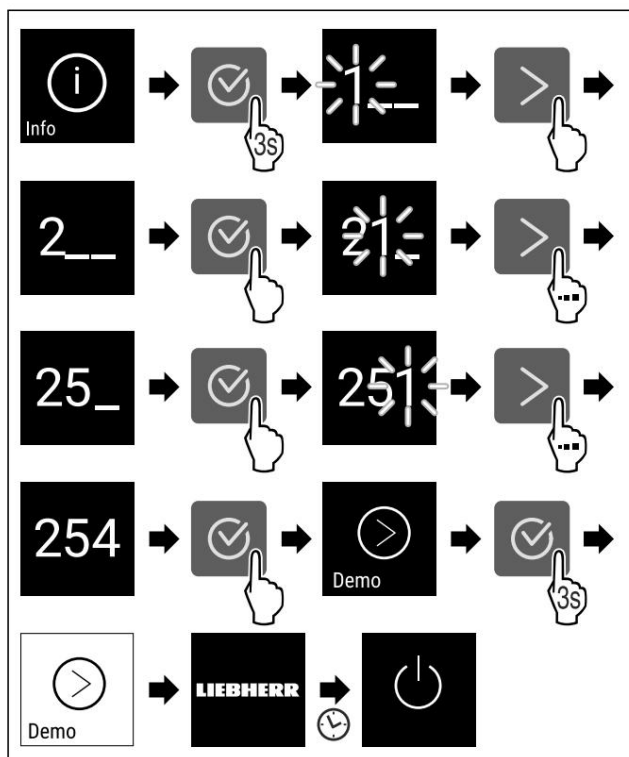
7.2.17 Chế độ demo

Chế độ demo là tính năng đặc biệt dành cho các đại lý muốn trình diễn các tính năng của thiết bị. Nếu bạn kích hoạt chế độ demo, tất cả các chức năng làm lạnh sẽ bị vô hiệu hóa.

Nếu bạn bật thiết bị và chữ "D" xuất hiện trên màn hình trạng thái, chế độ demo đã được kích hoạt.

Nếu bạn kích hoạt rồi hủy kích hoạt chế độ demo, thiết bị sẽ được khôi phục về cài đặt gốc. (xem 7.2.18 Khôi phục cài đặt gốc)

Kích hoạt chế độ demo



Hình 69

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Chế độ demo được kích hoạt.

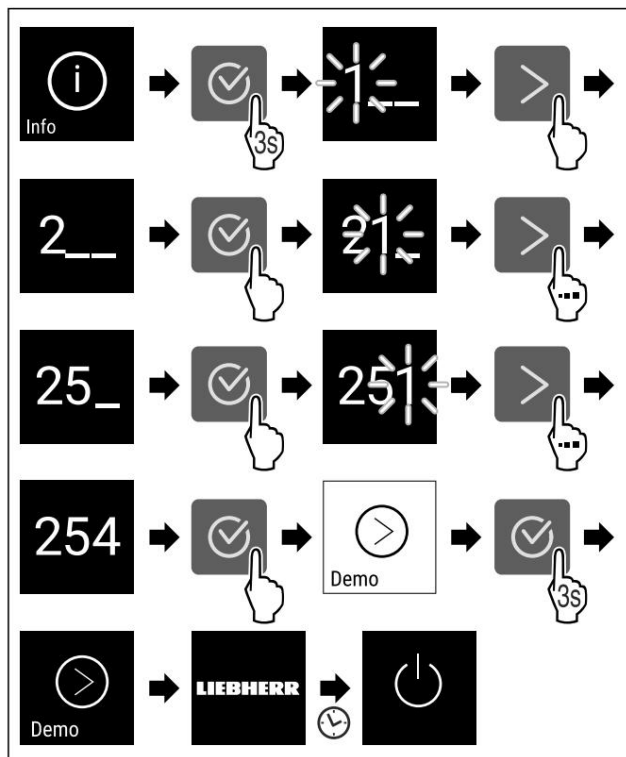
Tắt thiết bị. Bật thiết bị.

(xem 4.1 Bật thiết bị

(lần sử dụng

đầu tiên)) "D" xuất hiện trên màn hình trạng thái.

Tắt chế độ demo



Hình 70

Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa. Chế độ demo bị vô hiệu hóa. Thiết

bị đã tắt. Bật thiết bị. (xem

4.1 Bật thiết bị

(lần sử dụng

đầu tiên)) Thiết bị được khôi phục về cài đặt gốc.



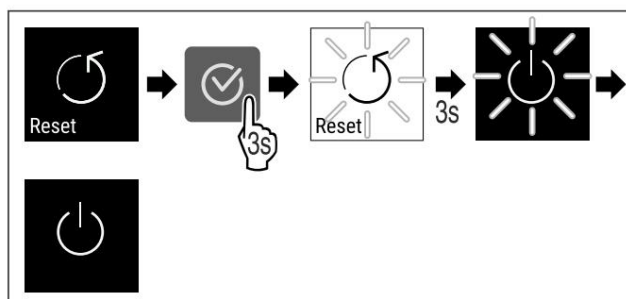
7.2.18 Khôi phục cài đặt gốc

Sử dụng chức năng này để khôi phục tất cả cài đặt về mặc định của nhà sản xuất. Tất cả các thiết lập bạn đã thực hiện cho đến nay đều được khôi phục về cài đặt gốc.

Thực hiện thiết lập lại



Hình 71



Hình 72

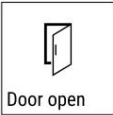
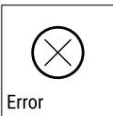
Thực hiện các bước hành động theo hình minh họa.

Thiết bị được đặt lại. Thiết bị đã tắt. Khởi động lại thiết bị. (xem 4.1 Bật thiết bị (đầu tiên sử dụng))

7.3 Tin nhắn

7.3.1 Cảnh báo

Cảnh báo được phát ra bằng tín hiệu âm thanh và hình ảnh thông qua biểu tượng trên màn hình. Tín hiệu sẽ to dần cho đến khi cảnh báo được xác nhận.

Tin nhắn	Gây ra	Biện pháp khắc phục
 Door open Bằng cách mở	Thông báo này sẽ xuất hiện nếu cửa mở quá lâu.	Đóng cửa lại. Nhấn nút xác nhận. Báo thức đã kết thúc. Ghi chú Bạn có thể thiết lập thời gian để thông báo này xuất hiện (xem 7.2.9 Báo động cửa) 
 Temperature Báo động nhiệt độ	Thông báo này xuất hiện nếu nhiệt độ không khớp với nhiệt độ ẩm nhất đã cài đặt. Lý do cho sự khác biệt về nhiệt độ có thể là: - Có quá nhiều luồng không khí ấm thổi vào. Nhiệt độ hiện tại nhấp nháy khi sắp xếp lại và lấy ra và màn hình hiển thị xen kẽ với các sản phẩm đã được làm lạnh. Biểu tượng báo động nhiệt độ Nguồn điện đã bị cắt trong một thời gian dài. đạt tới nhiệt độ cài đặt.	Nhấn nút xác nhận. Nhấn nút xác nhận. Kiểm tra chất lượng hàng hóa đông lạnh.  
 Error Lỗi	Thiết bị bị lỗi, có lỗi thiết bị hoặc một thành phần của thiết bị bị lỗi. Nhấn nút xác nhận.	Nhấn nút xác nhận. Mã lỗi được hiển thị. Nhấn nút xác nhận. Nếu có, mã lỗi khác sẽ được chỉ ra. hoặc Màn hình trạng thái có biểu tượng lỗi nhấp nháy sẽ hiển thị. Nhấn các nút điều hướng để hiển thị lại mã lỗi. Lưu ý mã lỗi và liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng.   
 Power Mất điện	Thông báo sẽ xuất hiện sau khi nguồn điện bị gián đoạn nếu nhiệt độ cao hơn giới hạn báo động	Nhấn nút xác nhận. Nhấn nút xác nhận. Báo thức bị hủy và nhiệt độ hiện tại được hiển thị. Kiểm tra chất lượng hàng hóa đông lạnh.  
 WiFi error Lỗi WLAN	Kết nối WLAN bị gián đoạn.	Kiểm tra kết nối. Nhấn nút xác nhận. Báo thức đã kết thúc. 

Tín nhắn	Gây ra	Biện pháp khắc phục
 Lỗi WLAN WWW	Thông báo này sẽ xuất hiện nếu không có kết nối Internet qua WLAN.	Kiểm tra kết nối. Nhấn nút xác nhận. Báo thức đã kết thúc.

7.3.2 Nhắc nhở

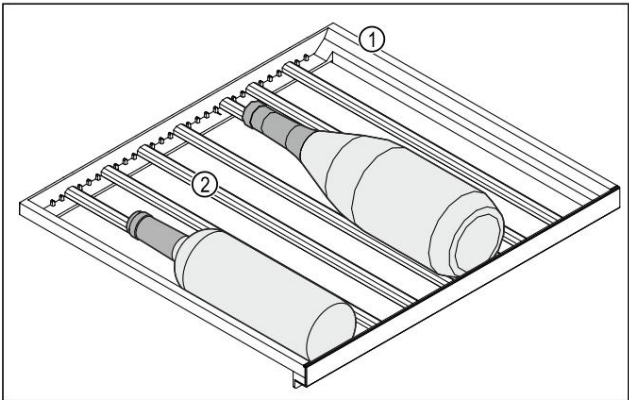
Lời nhắc sẽ xuất hiện khi bạn được yêu cầu làm điều gì đó. Lời nhắc được phát ra bằng tín hiệu âm thanh và hình ảnh thông qua biểu tượng trên màn hình. Xác nhận tín nhắn bằng cách nhấn nút xác nhận.

Tín nhắn	Gây ra	Biện pháp khắc phục
 Bộ lọc than hoạt tính ReplaceFreshAir	Tín nhắn này xuất hiện 6 tháng một lần.	Bộ lọc than hoạt tính ReplaceFreshAir,  Lời nhắc đã đóng.

8 tính năng

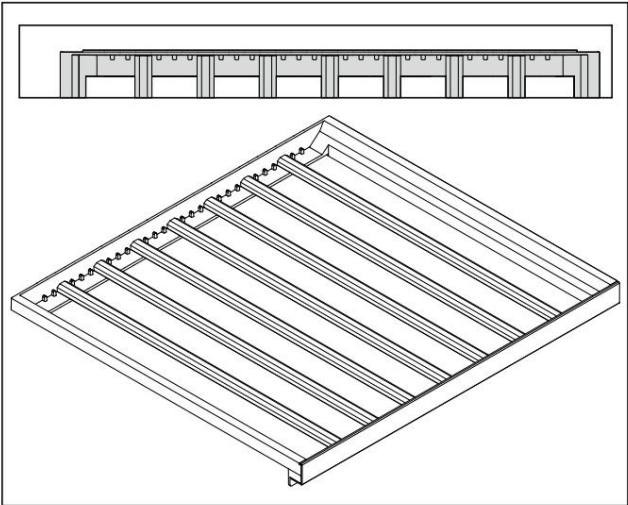
8.1 Lư ới gỗ

Các thiết bị được trang bị lư ới gỗ để lư u trữ rượu.



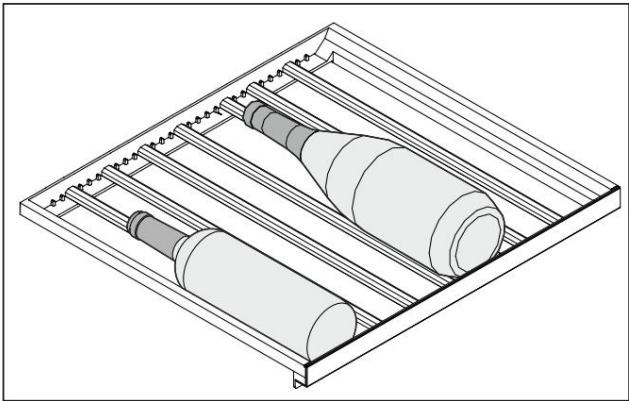
Hình 73 Ví dụ minh họa (1) Lư ới gỗ (2) Thanh

Vị trí chuẩn của các thanh được đánh dấu bằng các rãnh. Nếu sử dụng các rãnh này, bạn có thể lư u trữ số lượng chai tối đa. (xem Bản phác thảo lư u trữ 5.2)

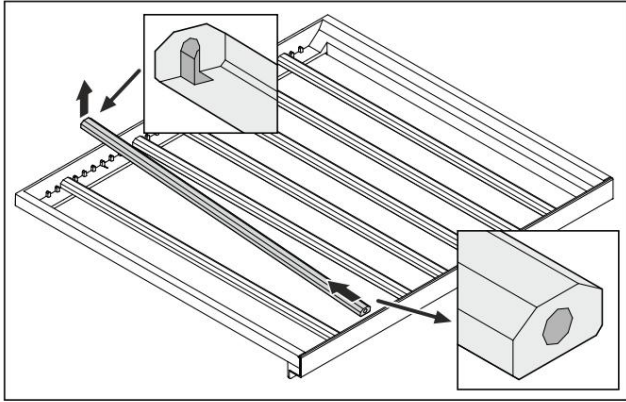


Hình 74 Sắp xếp các thanh để có số lượng chai tối đa.

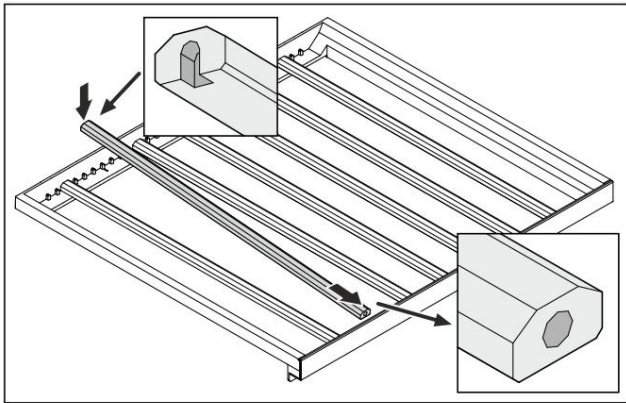
8.1.1 Di chuyển thanh



Hình 75 Ví dụ minh họa Bạn có thể tháo các thanh chắn trên giá gỗ để cất những chai lớn hơn hoặc nhỏ hơn.

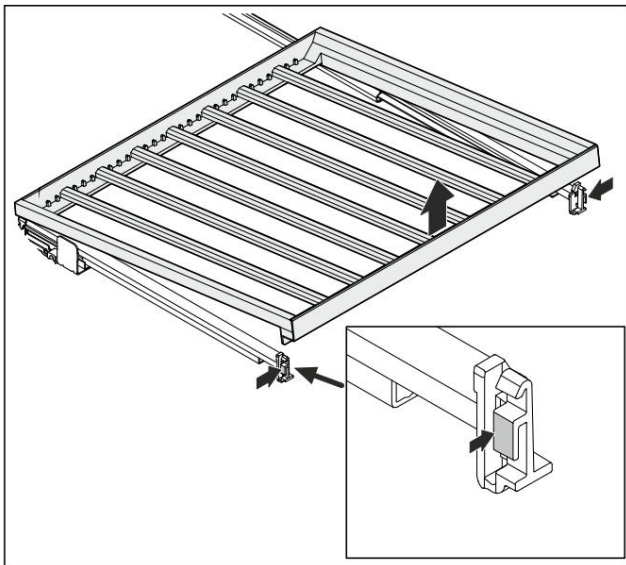


Hình 76 Ví dụ minh họa Nâng
và kéo thanh ở phía sau ra.



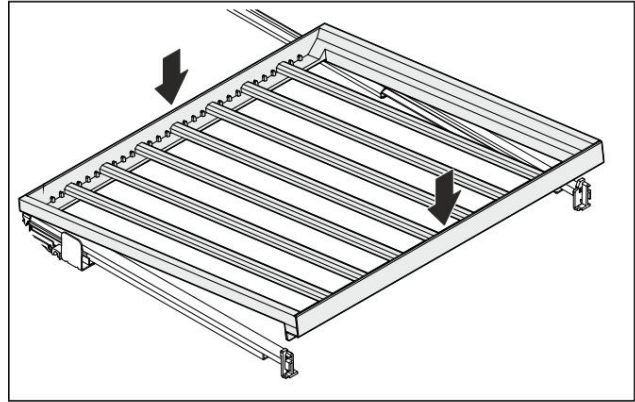
Hình 77 Ví dụ minh họa Chèn
thanh vào vị trí mong muốn.

8.1.2 Tháo lưới gỗ Bạn có thể tháo lưới
gỗ để vệ sinh.



Hình 78 Ví dụ minh họa
Nhấn nhẹ vào cả hai bên và nhấn lên để tháo ra.

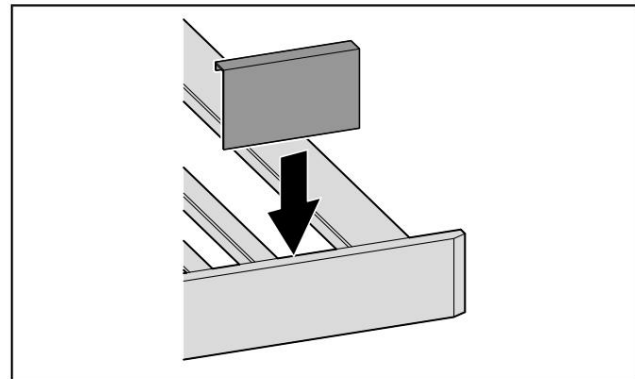
8.1.3 Chèn lưới gỗ



Hình 79 Ví dụ minh họa Đặt
lưới gỗ ở phía sau trên thanh ray bên phải
và bên
trái. Hạ lưới gỗ ở phía trước xuống.
Lưới gỗ được khóa chặt. Lưới
gỗ được gắn chặt vào thanh ray.

8.2 Nhãn

Bạn có thể mua nhãn mô tả phụ kiện từ đại lý chuyên dụng. Bạn có thể sử dụng chúng để ghi chú các loại phụ kiện được bảo quản trong từng ngăn.



Hình 80
Dán nhãn từ phía trên.

9 Bảo trì

9.1 Bộ lọc than hoạt tính FreshAir

Rủi ro vang liên tục phát triển theo điều kiện môi trường xung quanh, vì vậy chất lượng không khí rất cần thiết cho việc bảo quản.

Bộ lọc than hoạt tính FreshAir đảm bảo chất lượng không khí tối ưu. Thay bộ lọc

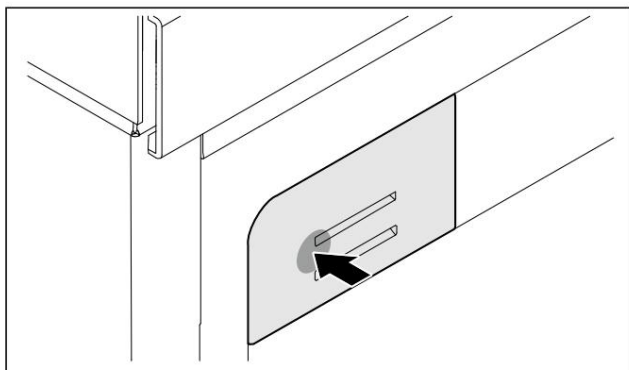
than hoạt tính 6 tháng một lần. Vứt bỏ bộ lọc than hoạt tính cùng với rác thải sinh hoạt thông thường.

Lưu ý

ý: Bạn có thể mua bộ lọc than hoạt tính FreshAir tại cửa hàng Liebherr-Hausgeräte tại home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html.

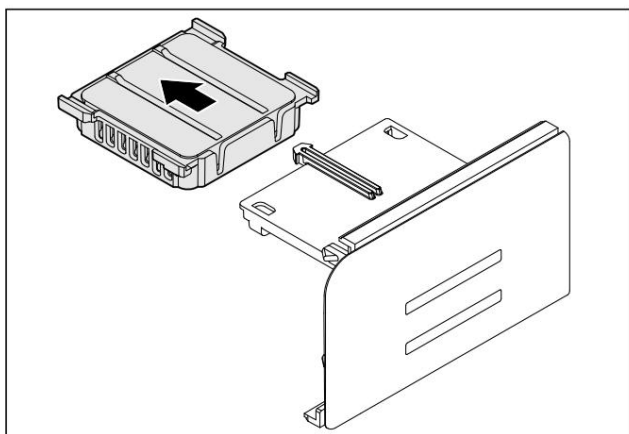
BẢO TRÌ

9.1.1 Thay thế bộ lọc than hoạt tính FreshAir



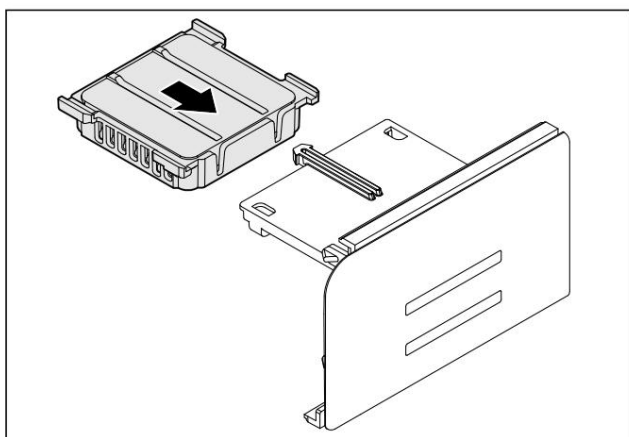
Hình 81 Ví dụ minh họa Nhấn giá

đỡ bộ lọc vào, thả ra và kéo ra.



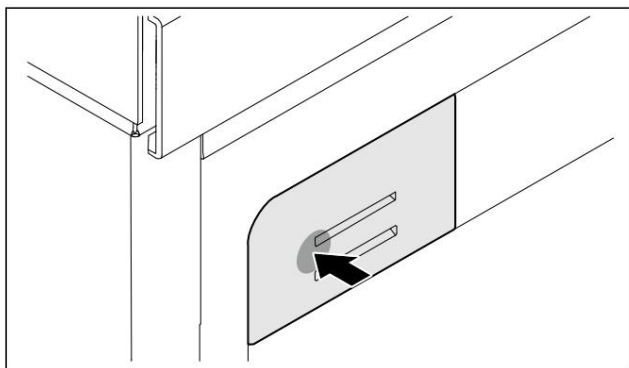
Hình 82 Ví dụ minh họa Tháo bộ

lọc cũ ra khỏi giá đỡ.



Hình 83 Ví dụ minh họa Lắp bộ

lọc mới vào giá đỡ.



Hình 84 Ví dụ minh họa Nhấn giá

đỡ bộ lọc vào hết cỡ rồi thả ra. Bộ lọc than hoạt tính FreshAir đã được thay đổi.

9.2 Vệ sinh thiết bị

9.2.1 Sẵn sàng



CẢNH BÁO Nguy

cơ điện giật! Tháo đầu nối tủ lạnh hoặc ngắt nguồn điện cung cấp.



CẢNH BÁO Nguy

cơ hỏa hoạn

Không làm hỏng mạch làm lạnh.

Đổ hết nước trong thiết bị.
Tháo đầu nối nguồn điện.

9.2.2 Vệ sinh bên trong

THÔNG BÁO

Vệ sinh không đúng cách!

Hư hỏng thiết bị. Chỉ sử dụng

vải lau mềm và chất tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính người dùng dọn dẹp.

Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc len thép vì có thể gây trầy xước.

Không sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa sắc nhọn hoặc có tính mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có chứa cát, clorua hoặc axit.

Bề mặt nhựa: vệ sinh bằng tay với vải mềm sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa. Bề mặt kim loại: vệ sinh bằng tay với vải mềm sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa. Lỗ thoát nước: loại bỏ cặn bẩn bằng vật mỏng (ví dụ như tăm bông).

9.2.3 Làm sạch các thành phần

THÔNG BÁO

Vệ sinh không đúng cách!

Hư hỏng thiết bị. Chỉ sử dụng

vải lau mềm và chất tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính người dùng dọn dẹp.

Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc len thép vì có thể gây trầy xước.

Không sử dụng bất

kỳ chất tẩy rửa sắc nhọn hoặc mài mòn nào, cũng như bất kỳ chất nào có chứa cát, clorua hoặc axit.

Lau sạch bằng vải mềm, sạch, nước ấm và một ít chất tẩy rửa:

- Kệ chia ngăn

Lau sạch bằng khăn ẩm:

- Thanh ray có thể thu vào

Xin lưu ý: Mỡ trong rãnh được dùng để bôi trơn và không được loại bỏ!

Để tháo rời các thành phần: xem phần có liên quan. Làm sạch các thành phần.

9.2.4 Sau khi vệ sinh

Lau khô thiết bị và các bộ phận. Cắm và bật thiết bị.
Lặp lại việc vệ sinh thường xuyên.

10 HỖ trợ khách hàng

10.1 Thông số kỹ thuật

Phạm vi nhiệt độ	
Làm mát	5 °C đến 20 °C

Chiếu sáng	
Lớp 1	Nguồn sáng
Sản phẩm này chứa một hoặc nhiều nguồn sáng đạt hiệu suất năng lượng loại G.	Dẫn đến

1 Thiết bị có thể chứa các nguồn sáng có mức hiệu suất năng lượng khác nhau. Mức hiệu suất năng lượng thấp nhất sẽ được chỉ định.

Đối với các thiết bị có kết nối WiFi:*

Thông số tần số*	
Dải tần số	2,4 GHz
Công suất bức xạ tối đa	< 100 mW
Mục đích của thiết bị không dây	Tích hợp vào mạng WiFi cục bộ để truyền dữ liệu

10.2 Tiếng ồn khi vận hành

Thiết bị phát ra nhiều tiếng động khác nhau khi bật.

- Ở nhiệt độ cao hơn, thiết bị sử dụng ít năng lượng hơn như ng hoạt động lâu hơn. Nó êm hơn.

- Ở nhiệt độ thấp hơn, thực phẩm được làm lạnh nhanh hơn. to hơn.
- Ví dụ: •

Chức năng bật (xem 7.2 Chức năng của thiết bị) • Quạt đang chạy • Thức ăn vừa được thêm vào • Nhiệt độ môi trường cao • Cửa mở trong một thời gian

Tiếng ồn	Nguyên nhân có thể	Loại tiếng ồn
Sủi bọt bắn tung tóe	Và Chất làm mát chảy vào mạch làm mát.	Tiếng ồn hoạt động bình thường
Tiếng rít	Chất làm mát phun vào mạch làm mát.	Tiếng ồn hoạt động bình thường

Khuyết điểm	Gây ra	Biện pháp khắc phục
Thiết bị không hoạt động.	Thiết bị chưa được bật. Bật thiết bị.	
	Phích cắm điện không được cắm đúng vào ổ cắm.	Kiểm tra phích cắm điện.
	Có điều gì đó không ổn với cầu chì ổ cắm điện.	Kiểm tra cầu chì.
	Mất điện	Giữ thiết bị đóng kín.
	Ổ cắm IEC không được cắm đúng cách vào thiết bị.	Kiểm tra ổ cắm IEC.

Tiếng ồn	Nguyên nhân có thể	Loại tiếng ồn
Tiếng vo ve	Thiết bị đang làm mát. Âm lượng phụ thuộc vào công suất làm mát.	Tiếng ồn hoạt động bình thường
Tiếng ồn hút	Cửa đóng êm Hoạt động bình tiếng ồn.	thường là mở và đóng có tiếng ồn.
Tiếng xào xạc rì rào	Và Quạt đang chạy. Hoạt động	bình thường tiếng ồn
Nhấp chuột	Các thành phần được bật và tắt.	Tiếng ồn chuyển mạch bình thường
Tiếng vo hoặc tiếng lạch cạch	Van hoặc cánh van đang hoạt động.	Tiếng ồn chuyển mạch bình thường

Tiếng ồn	Khả thi gây ra	Loại tiếng ồn	Nâng
Rung động	Cài đặt không đúng cách	Tiếng ồn bị lỗi	Kiểm tra cài đặt. Cân bằng thiết bị.
Tiếng lạch cạch	Linh kiện, vật dụng bên trong thiết bị	Tiếng ồn bị lỗi	Các thành phần an toàn. Rời khỏi đủ khoảng cách giữa các vật phẩm.

10.3 Lỗi kỹ thuật

Thiết bị của bạn được thiết kế và chế tạo để đảm bảo hoạt động đáng tin cậy và có tuổi thọ cao. Trong trường hợp hiếm hoi xảy ra sự cố trong quá trình vận hành, vui lòng kiểm tra xem sự cố có phải do lỗi vận hành hay không. Nếu có, bạn sẽ phải trả phí gọi điện và sửa chữa ngay cả khi sự cố vẫn còn trong thời hạn bảo hành.

Bạn có thể tự sửa những lỗi sau.

10.3.1 Chức năng của thiết bị

Khuyết điểm	Gây ra	Biện pháp
Nhiệt độ không đủ lạnh.	Cửa thiết bị không đư ợc đóng đúng cách.	khắc phục Đóng cửa thiết bị.
	Không đủ thông gió.	Giữ lưu ới thông gió sạch sẽ và vệ sinh. Giải
	Nhiệt độ môi trư ờng quá cao.	pháp cho vấn đề: (xem mục 2.4 Phạm vi sử dụng của thiết bị)
	Thiết bị đã đư ợc mở quá nhiều lần hoặc quá lâu.	Đợi xem nhiệt độ yêu cầu có tự điều chỉnh không. Nếu không, hãy liên hệ với Dịch vụ Khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ Khách hàng)
	Nhiệt độ đư ợc cài đặt không chính xác.	Giảm nhiệt độ và kiểm tra sau 24 giờ.
	Thiết bị quá gần nguồn nhiệt (lò nư ớng, lò sưởi, v.v.).	Di chuyển thiết bị hoặc nguồn nhiệt.
	Thiết bị không đư ợc lắp đúng cách vào hốc.	Kiểm tra xem thiết bị đã đư ợc lắp đặt đúng cách chưa và cửa đã đóng đúng cách chưa.
Gioăng cửa bị lỗi hoặc cần thay thế vì lý do khác.	Bạn có thể thay thế gioăng cửa tùy theo model máy. Có thể thay thế mà không cần dụng cụ chuyên dụng.	Liên hệ với Dịch vụ Khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ Khách hàng)
Gioăng cửa bị lỗi hoặc cần thay thế vì lý do khác.	Gioăng cửa có thể thay thế đư ợc. Có thể thay thế mà không cần dụng cụ chuyên dụng.	Liên hệ với Dịch vụ Khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ Khách hàng)
Thiết bị tích tụ quá nhiều đá hoặc hơi nư ớc ngưng tụ.	Gioăng cửa có thể bị trư ợt ra ngoài Kiểm tra	xem gioăng cửa đã đư ợc lắp chặt vào rãnh chưa.

10.3.2 Tính năng

Khuyết điểm	Gây ra	Biện pháp khắc phục
Đèn bên trong không sáng.	Thiết bị chưa đư ợc bật. Bật thiết bị.	
	Cửa đã mở lâu hơn 15 phút.	Đèn nội thất sẽ tự động tắt sau khoảng 15 phút khi cửa mở.
	Đèn LED bên trong bị lỗi hoặc nắp bị hỏng.	Liên hệ với Dịch vụ Khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ Khách hàng)

10.4 Dịch vụ khách hàng

Trư ớc tiên, hãy kiểm tra xem bạn có thể tự khắc phục lỗi hay không (xem mục 10 Trợ giúp khách hàng). Nếu bạn không thể khắc phục sự cố, hãy liên hệ với Dịch vụ Khách hàng.

Bạn có thể tìm địa chỉ trong tờ rơi kèm theo “Liebherr-Service” hoặc tại home.liebherr.com/service.



CẢNH BÁO Sửa

chữa không chuyên nghiệp!

Chấn

thư ơng. Mọi sửa chữa và hành động - không đư ợc chỉ định rõ ràng - đối với thiết bị và cấp nguồn chỉ đư ợc thực hiện bởi nhân viên bảo dư ỡng. (xem mục 9 Bảo trì) Cấp nguồn bị hỏng chỉ có thể đư ợc thay thế bởi nhà sản xuất, Bộ phận Dịch vụ Khách hàng của nhà sản xuất hoặc ngư ời có trình độ tư ơng đư ơng. Đối với các thiết bị có đầu nối IEC, khách hàng có thể tự thay đổi.

10.4.1 Liên hệ với Dịch vụ Khách hàng Đảm bảo rằng thông

tin thiết bị sau đây có sẵn:

Tên thiết bị (mẫu và chỉ mục) Số dịch vụ (Dịch vụ) Số sê-ri (Số S)
Gọi thông tin thiết

bị qua màn hình.

-hoặc-

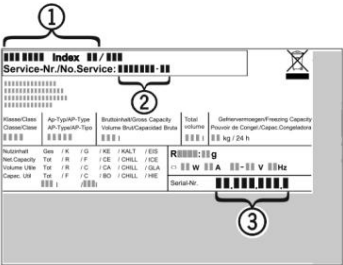
Tham khảo nhãn thiết bị để biết thông tin. (xem 10.5 Tầm mô hình)

Ghi lại thông tin thiết bị. Thông báo cho bộ phận chăm sóc khách hàng: Báo cáo lỗi và thông tin thiết bị. Điều này sẽ giúp chúng tôi cung cấp cho bạn dịch vụ nhanh hơn và chính xác hơn.

Thực hiện theo hư ớng dẫn tiếp theo từ Bộ phận Chăm sóc Khách hàng.

10.5 Tắt mô hình

Tắt chữ nằm ở phía dưới bên trong của máy.



Hình 85

(1) Mô tả thiết bị (2) Số dịch vụ (3) Số sê-ri

Lưu ý dữ liệu trên tấm mô hình.

11 Tắt máy

Làm trống thiết bị. Tắt thiết bị. (xem 7.2.2 Bật thiết bị và tắt)

Rút phích cắm điện ra khỏi ổ cắm. Tháo ổ cắm IEC nếu cần: Rút ổ cắm IEC ra khỏi phích cắm của thiết bị và đồng thời di chuyển sang trái và phải.

Vệ sinh thiết bị. (xem mục 9.2 Vệ sinh thiết bị) Để cửa mở để không phát sinh mùi khó chịu.

12 Xử lý

12.1 Chuẩn bị thiết bị để xử lý

Liebherr sử dụng pin trong một số thiết bị của mình. Tại EU, vì lý do môi trường, luật pháp yêu cầu người dùng cuối phải tháo pin trước khi thải bỏ thiết bị cũ. Nếu thiết bị của bạn có pin, sẽ có thông báo tương ứng được đính kèm.

Đèn Nếu bạn có thể tự tháo đèn mà không làm hỏng chúng, hãy tháo chúng ra trước khi vứt bỏ.

Ngừng sử dụng thiết bị. Nếu có thể: tháo đèn mà không làm hỏng chúng.

12.2 Xử lý thiết bị theo cách thân thiện với môi trường

Thiết bị này vẫn chứa các vật liệu có giá trị và phải được xử lý riêng với rác thải đô thị chứa phân loại.

Vứt bỏ pin riêng biệt với thiết bị cũ. Để làm điều này, bạn có thể trả lại pin miễn phí cho các nhà bán lẻ cũng như các trung tâm tái chế và thu gom vật liệu tái chế.

Đèn Vứt bỏ đèn đã tháo ra thông qua hệ thống thu gom tư vấn ứng.

Đối với Đức:

Bạn có thể vứt bỏ thiết bị miễn phí thông qua các thùng thu gom loại 1 tại các trung tâm thu gom vật liệu tái chế và tái chế tại địa phương. Khi mua tủ lạnh/tủ đông mới, nếu diện tích bán hàng > 400 m2, các nhà bán lẻ cũng sẽ nhận lại thiết bị cũ miễn phí.



CẢNH BÁO

Rò rỉ chất làm mát và dầu!

Cháy. Chất làm mát chứa trong thiết bị thân thiện với môi trường, nhưng cũng dễ cháy. Dầu chứa trong thiết bị cũng dễ cháy. Chất làm mát và dầu rò rỉ có thể bắt lửa nếu nồng độ đủ cao và tiếp xúc với nguồn nhiệt bên ngoài. Không làm hỏng đường ống dẫn nước làm mát và máy nén.

Tuân thủ các lưu ý khi vận chuyển thiết bị. Vận chuyển thiết bị mà không làm hỏng thiết bị. Vứt bỏ pin, đèn và thiết bị theo đúng thông số kỹ thuật nêu trên.



home.liebherr.com/fridge-manuals

EN tủ làm mát rượu vang

Ngày phát hành: 20250626

Mã số sản phẩm: 7083720-00

Liebherr-Hausgeräte GmbH
Memminger Straße 77-79
88416 Ochsenhausen
Đức